

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 303 /2019/HS-ST
Ngày 25 - 9 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Thế.
2. Bà Nguyễn Thụy Vân Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019 tại Hội trường A Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 282 /2019/HSST ngày 22 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 319/2019/HSST-QĐ ngày 13/9/2019 đối với các bị cáo:

1. Võ Chí T, sinh năm 1996 tại tỉnh Hậu Giang; thường trú: Ấp T1 xã P, thị xã M, tỉnh Hậu Giang; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Công nhân; con ông Võ Văn G, sinh năm 1965 và con bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963; bị cáo có vợ tên Võ Thị Cẩm L, sinh năm 1997 và có 02 con sinh năm 2015 và năm 2017; tiền sự, tiền án: Không có. Bị bắt giam ngày 14/01/2019, có mặt.

2. Dương Văn Đ, sinh năm 1991 tại tỉnh Hậu Giang; thường trú: Ấp T1 xã P, thị xã M, tỉnh Hậu Giang; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Phụ hồ; con ông Dương Văn K và con bà Nguyễn Thị Bé H; bị cáo có 07 anh chị em, bị cáo là thứ 6; tiền sự, tiền án: Không có. Bị bắt giam ngày 15/01/2019, có mặt.

- Người bào chữa:

Ông Ngô N – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương bào chữa cho bị cáo Dương Văn Đ, có mặt

- Bị hại:

1. Ông Trần Văn N, sinh năm 1958
2. Chị Hồ Thị T, sinh năm 1989

Cùng địa chỉ: Số 133 đường D1, khu phố A, phường H, thị xã K, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án

1. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987; thường trú: DC 7 khu phố 4, phường P2, thị xã C, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Kim T, sinh năm 1985; thường trú: 158 tổ 6, khu phố 4, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3. Anh Trần D, sinh năm 1977; thường trú: Số 75 DD3 khu phố 4, phường P, thị xã C, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

4. Anh Trần Thanh H, sinh năm 1983; thường trú: Số 113 đường D1, khu phố A, phường H, thị xã K, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

5. Anh Võ Văn E, sinh năm 1971; địa chỉ: Phòng trọ số 2, nhà trọ không số khu phố A, phường H, thị xã K, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

6. Ông Võ Văn G, sinh năm 1965; thường trú: Ấp T1 xã P thị xã M, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Phạm Thị N, vắng mặt.

2. Anh Trần Thanh T, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Đông S làm thuê tại cơ sở nấu đường của anh Trần Thanh H địa chỉ số 133 đường D1, khu phố A, phường H, thị xã K, tỉnh Bình Dương. Bị cáo Dương Văn Đ, Võ Chí T và người tên Tuấn (không rõ nhân thân) là bạn của S.

Khoảng 13 giờ ngày 03/12/2018, S, T, Đ, T và vợ của Tuấn (không rõ nhân thân) đi hát Karaoke tại quán Như Phương địa chỉ phường Đông Hòa, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Khi hát S rủ T, Đ và Tuấn chiếm đoạt tài sản tại cơ sở nấu đường của anh H đồng thời phân công S cùng T đi mua dây rút, băng keo, Tuấn gọi xe ô tô đến chở tài sản, Đ trông coi phụ giúp khuôn vác tài sản. S nói với cả nhóm “tý nữa đi với tao về xưởng đường gặp ông N bắt trói ông N lại, chờ ông T chở hai đứa em về lại thì bắt trói ông T, Tuấn kêu xe đến bốc xếp chở tài sản, khi chờ bốc chở tài sản lên xe thì lục tìm vàng, tiền trong phòng của T”. Khoảng 14 giờ cùng ngày tất cả ra về, Tuấn đi thuê xe ô tô, Đ đi xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision (không rõ biển số) của Tuấn về phòng trọ của bà Phạm Thị N (mẹ S) để ngủ. S, T đi mua 02 cuộn băng keo màu xanh, 03 cuộn băng keo màu trắng, 10 sợi dây rút màu trắng, 08 mét dây dù màu trắng xanh bỏ vào túi nylon màu đen. Sau đó S chở T về phòng ở trọ của bà N cho T ngủ. S nói “khi nào S điện thoại thì Đ chở T đi lại cơ sở nấu đường anh H”, sau đó S đi đến xưởng đường anh H, tại cơ sở nấu đường của anh H lúc này có anh Trần Thanh T, ông Trần Văn N (cha anh T), chị Hồ Thị T1 (vợ anh T) và hai người làm công tên K và T2. S biết khoảng 16 giờ cùng ngày, anh T chở K và T2 đi đón xe về quê. S điện thoại cho T1 nói “cầm bịch đồ đến, thấy ông N mở cổng thì từ từ rồi vô, khi ông N đi vô thì đi theo ông vô, tao sẽ dụ ông N vào lò hơi, khi tao đè ông xuống thì lấy băng keo bịt mắt, bịt miệng ông lại”. Sau đó T nói Đ “điều khiển xe mô tô chở T mang theo túi nylon đến cơ sở nấu đường”. Khi đến T xuống xe đứng đợi bên ngoài cổng, Đ điều khiển xe về lại phòng trọ của bà N. Thời điểm này ông N ra mở cổng cho anh T1 chở K,

T ra ngoài. S đi ra nói với ông N “bố ơi vô mở cửa lò để con thông lò hơi cho thợ làm”. Ông N đi vào nhưng không khóa cổng, S ra hiệu cho T từ bên ngoài cổng đi vào. Ông N đi đến lò hơi ở góc xưởng bên phải, hướng từ cổng đi vào thì S, T đi phía sau ông N, S dùng tay đâm 01 cái vào thái dương bên trái ông N làm ông N ngã nằm nghiêng xuống đồng củi gỗ cạnh lò hơi, S dùng chân khống chế, giữ hai tay ông N ở phía sau, T lấy băng keo dán miệng, hai mắt, hai tay, hai chân ông N, dùng dây rút trói hai tay, hai chân ông N, S nói “ông nằm yên đi, tôi không làm gì ông đâu, đợi thằng T1 về bắt đánh thằng T1”. Biết chị T đang ngủ trong nhà, S nói T “đi vào trong phòng ngủ chị T bắt trói lại”. S gõ cửa phòng ngủ, chị T từ trong phòng ngủ mở cửa, S xô mạnh cửa, dùng tay tát vào mặt chị T làm chị T ngã nằm nghiêng xuống nền nhà. S dùng tay khống chế, giữ hai tay chị T ở phía sau lưng, T sử dụng băng keo dán hai mắt, miệng của chị T, dùng dây rút trói hai tay, hai chân chị T. Sau đó S cùng T khiêng ông N vào phòng chị T rồi cả hai lục tìm tài sản. T tìm trong phòng chị T lấy được 01 sợi dây chuyền, 01 nhẫn kim loại bằng kim loại màu vàng, đập vỡ 01 con heo đất lấy 8.000.000 đồng sau đó gỡ trên tay chị T lấy 01 nhẫn, 01 lắc tay bằng kim loại vàng. S lấy 6.000.000 đồng trong phòng ông N, lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy J7 trong phòng chị T. Lúc này T nói với S “gọi Đ mua nước đến để uống và phụ giúp S và Đ”. S điện cho Đ đến mua nước và nói T “bắt giữ anh T”. Khi Đ mang 03 chai nước đi vào trong sân đưa cho S, S nói Đ “đã bắt trói được hai người, đang lục tìm tài sản ở trong nhà”. S nói Đ “phụ giúp bắt trói anh T sẽ cho từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng”, Đ đi ra bên ngoài cổng chờ anh T đi về đồng thời chờ T đưa xe ô tô đến chở tài sản. Đ đợi 01 lúc không thấy ai đến Đ đi về nhà bà N. Thời điểm này T đi vệ sinh thấy Camera nhà anh H nên nói cho S biết rồi cả hai mang theo tài sản đã chiếm đoạt tẩu thoát lên thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Thời điểm này ông N biết T, S đã đi nên bò lại gần chị T. Ông N, chị T hỗ trợ nhau cởi trói đi ra ngoài, chị T đến Công an phường Tân Đông Hiệp trình báo.

Khoảng 19 giờ cùng ngày khi T, S đi đến thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, T đi đến tiệm vàng Kim Thành Danh (anh Kim Thành D làm chủ) bán cho anh D 01 lắc tay bằng kim loại vàng 18 Kara trọng lượng 1 chỉ 7 phân, 01 nhẫn bằng kim loại vàng 999, trọng lượng 2 chỉ được tổng số tiền 8.200.000 đồng. T đi đến Công ty TNHH MTV tiệm vàng Bảo Trang tại địa chỉ khu phố 4, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương (anh Nguyễn Kim T làm chủ) bán cho anh T 01 sợi dây chuyền bằng kim loại vàng 9999, trọng lượng 2 chỉ 2 phân, 01 nhẫn bằng kim loại vàng 9999, trọng lượng 5 phân được tổng số tiền 5.800.000 đồng. Sau đó, T đưa 14.000.000 đồng về cho S và được S cho 1.500.000 đồng. Đến ngày 05/12/2018, T đi đến tiệm cầm đồ Hồng Kông 5 địa chỉ DC7 khu phố 4, phường Mỹ Phước 2, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương (chị Nguyễn Thị T làm chủ) bán cho chị T điện thoại SamSung Galaxy J7 được 2.000.000 đồng. T cầm 2.000.000 đồng về cho S thì được S cho 500.000 đồng. Đến ngày 14 và 15/01/2019 bị cáo Võ Chí T, Dương Văn Đ bị bắt.

Vật chứng thu giữ : Điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy J7; 02 cuộn băng keo màu xanh, 03 cuộn băng keo màu trắng, 04 sợi dây rút màu trắng, 08 sợi dây dù màu trắng xanh, 09 đoạn băng keo màu xanh.

Vật chứng đã xử lý: Trả lại chị Hồ Thị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy J7.

Kết luận định giá tài sản số 14/BB.DG ngày 29/01/2019 của Hội đồng định giá thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy J7 trị giá 1.600.000 đồng; 01 nhẫn bằng kim loại vàng 9999, trọng lượng 2 chỉ trị giá 7.200.000 đồng; 01 dây chuyền bằng kim loại vàng 9999, trọng lượng 2 chỉ 2 phân trị giá 7.920.000 đồng; 01 nhẫn bằng kim loại vàng 9999, trọng lượng 5 phân trị giá 1.800.000 đồng; 01 lắc tay bằng kim loại vàng 18Kara, trọng lượng 1 chỉ 7 phân trị giá 4.400.000 đồng. Tổng trị giá tài sản các bị cáo chiếm đoạt gồm tiền, điện thoại di động, vàng 36.920.000 đồng.

Kết luận giám định pháp y về thương tích số 0053/TgT/2019 ngày 21/01/2019 của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Đồng Nai đối với chị Hồ Thị T: Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế không định tỷ lệ cho chấn thương đầu và tay chân hai bên không để lại sẹo, không để lại di chứng và không ảnh hưởng chức năng. Vật gây thương tích là vật tày.

Kết luận giám định pháp y về thương tích số 0070/TgT/2019 ngày 22/01/2019 của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Đồng Nai đối với ông Trần Văn N: Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế không định tỷ lệ cho chấn thương mặt, vai phải, bàn tay phải và cẳng chân hai bên hiện không để lại sẹo và không ảnh hưởng chức năng. Vật gây thương tích là vật tày.

Về trách nhiệm dân sự: Số kim loại vàng gồm nhẫn, lắc, dây chuyền bị cáo T bán không thu hồi được. Gia đình bị cáo Võ Chí T cùng với gia đình Võ Đông S đã bồi thường thiệt hại cho chị Hồ Thị T, ông Trần Văn N. Chị T, ông N không có yêu cầu bồi thường gì khác.

Chị Nguyễn Thị T mua điện thoại từ bị cáo T, điện thoại bị thu hồi, chị T không yêu cầu bị cáo T bồi thường thiệt hại.

Cáo trạng số 302/CT- VKS ngày 21/8/2019, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Võ Chí T về tội “Cướp tài sản”, theo quy định điểm a, d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự, truy tố bị cáo Dương Văn Đ về tội “Cướp tài sản”, theo quy định điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo T từ 8 năm đến 9 năm tù.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đ từ 7 năm đến 8 năm tù.

Vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy 02 cuộn băng keo màu xanh, 03 cuộn băng keo màu trắng, 04 sợi dây rút màu trắng, 08 sợi dây dù màu trắng xanh, 09 đoạn băng keo màu xanh.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng bị cáo T bán điện thoại cho chị Nguyễn Thị T, điện thoại được thu hồi, chị T không yêu cầu bị cáo T bồi thường. Do vậy cần buộc bị cáo T nộp 2.000.000 đồng sung vào Ngân sách nhà nước

Người bào chữa cho bị cáo Đ trình bày: Thống nhất với cáo trạng truy tố bị cáo Dương Văn Đ về tội Cướp tài sản, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vai trò bị cáo Đ trong vụ án rất hạn chế do bị cáo bị rủ rê trong thời điểm đã sử dụng bia, rượu. S rủ bị cáo Đ chiếm đoạt tài sản là lấy đường, Đ có nhiệm vụ vác đường lên xe, nhưng sau đó S, T thực hiện chiếm đoạt tiền, vàng của các bị hại là ngoài ý muốn bị cáo Đ. Bản thân sau khi T bán tài sản bị cáo Đ không được chia tiền hưởng lợi. Bị cáo không có tiền án, tiền sự, hoàn cảnh gia đình khó khăn, thân nhân bị cáo là người có công với Cách mạng, bị cáo có vai trò không đáng kể trong vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đ mức hình phạt dưới mức thấp nhất khung hình phạt bị cáo bị truy tố để bị cáo sớm về hòa nhập cộng đồng làm người công dân tốt.

Bị cáo T, Đ không tranh luận không bào chữa cho hành vi phạm tội. Trước khi Hội đồng xét xử nghị án các bị cáo nói lời sau cùng: Xin xem xét giảm nhẹ mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Căn cứ xác định các bị cáo phạm tội: Bản ảnh hiện trường, lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, lời khai các bị cáo thể hiện khoảng 13 giờ ngày 03/12/2018 Võ Đông S đã rủ, bàn bạc cụ thể với bị cáo Võ Chí T, Dương Văn Đ và người tên Tuấn việc chuẩn bị băng keo, dây rút, dây dù đến cơ sở nấu đường của anh Trần Thanh H địa chỉ 133 đường D1, khu phố A, phường H, thị xã K, tỉnh Bình Dương bắt trộm ông Trần Văn N, anh Trần Thanh T chiếm đoạt tài sản. Đến 16 giờ cùng ngày bị cáo Võ Chí T, Dương Văn Đ theo kế hoạch của Võ Đông S đã thực hiện việc chiếm đoạt tài sản có trị giá 36.920.000 đồng của các bị hại Trần Văn N, Hồ Thị T. Như vậy, hành vi trên của bị cáo T, Đ đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản”. Bị cáo T theo tình tiết định khung điểm a, d (có tổ chức; sử dụng phương tiện nguy hiểm) khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự. Bị cáo Đ theo tình tiết định khung điểm a (có tổ chức) khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng số 302/CT – VKS ngày 21/8/2019 của Viện kiểm sát thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo cũng như bản luận tội của Kiểm sát viên đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T, Đ không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Gia đình bị cáo T đã liên đới bồi thường thiệt hại cho các bị hại; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T, Đ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo T, Đ có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Tình tiết trên được quy định điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo T, Đ có nhân thân tốt thể hiện việc các bị cáo không có tiền án, tiền sự, các bị cáo nhất thời phạm tội.

[3] Về tính chất mức độ tội phạm: Bị cáo T, Đ phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng do có khung hình phạt đến 15 năm tù, các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện phạm tội một cách cố ý. Hành vi phạm tội của các bị cáo ngoài việc xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe, tài sản hợp pháp của ông N, chị T được pháp luật bảo vệ, mà còn gây mất trật tự trị an và an toàn cho xã hội tại địa phương. Do vậy, cần xử phạt tù các bị cáo có thời hạn để các bị cáo tự cải tạo rèn luyện sau này không vi phạm nữa, cũng như việc răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

Đối với bị cáo Đ phạm tội lần này là lần đầu là người giúp sức trong vụ án có đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể trong vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đ mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

[4] Trong vụ án có đồng phạm, các bị cáo phạm tội có tổ chức do Võ Đông S bàn bạc, vạch kế hoạch, chuẩn bị công cụ để cùng với T, Đ và người tên Tuấn thực hiện. Bị cáo T, Đ tham gia với vai trò người thực hành. Xét tính chất, mức độ hành vi cũng như vai trò trong vụ án thì mức án bị cáo T phải cao hơn so với bị cáo Đ.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Văn N, Hồ Thị T đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và được bồi thường, ông N, chị T không có yêu cầu bồi thường gì khác. Do vậy, Hội đồng xét xử không xét.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng bị cáo T bán điện thoại cho chị Nguyễn Thị T, điện thoại được thu hồi, chị T không có yêu cầu việc bị cáo T phải bồi thường. Do vậy, buộc bị cáo T nộp sung vào ngân sách Nhà nước số tiền trên.

[6] Về vật chứng: Đối với 02 cuộn băng keo màu xanh, 03 cuộn băng keo màu trắng, 04 sợi dây rút màu trắng, 08 sợi dây dù màu trắng xanh, 09 đoạn băng keo màu xanh. Vật chứng sử dụng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng. Cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Trong vụ án còn có Võ Đông S, người tên Tuấn cùng tham gia phạm tội, Võ Đông S Công an thị xã Dĩ An đã ra quyết định khởi tố bị can, ra quyết định truy nã. Người tên Tuấn không rõ nhân thân, Công an thị xã Dĩ An tách xác minh xử lý sau là phù hợp.

[8] Đối với trình bày bào chữa của luật sư đối với bị cáo Dương Văn Đ phù hợp với quan điểm, nhận định của Hội đồng xét xử vì vậy được chấp nhận.

[9] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương đưa ra tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, xử lý vật chứng mức hình phạt đối với bị cáo T. Quan điểm trên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử do vậy được chấp nhận. Riêng mức hình phạt đối với bị cáo Đ có phần nghiêm khắc. Do vậy, Hội đồng xét xử xử phạt mức án bị cáo Đ thấp hơn so với mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát..

[10] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại

phiên tòa, bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[11] Án phí sơ thẩm: Bị cáo T, Đ phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Võ Chí T, Dương Văn Đ phạm tội Cướp tài sản.

1.1 Căn cứ vào điểm a, d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Chí T 09 (chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/01/2019

1.2 Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Văn Đ 06 (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/01/2019

2. Các biện pháp tư pháp:

Về vật chứng: Căn cứ Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Điều 89, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tịch thu tiêu hủy: 02 cuộn băng keo màu xanh, 03 cuộn băng keo màu trắng, 04 sợi dây rút màu trắng, 08 sợi dây dù màu trắng xanh, 09 đoạn băng keo màu xanh. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/8/2019.

+ Buộc bị cáo Võ Chí T nộp lại 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) sung vào Ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14.

Bị cáo Võ Chí T, Dương Văn Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã;
- Công an thị xã;
- Chi cục THA dân sự thị xã;
- Trại tạm giam CA tỉnh BD;
- TAND tỉnh BD;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD;
- Bị cáo; bị hại; ncqlnvlq;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Linh